

DOI:10.22144/ctu.jvn.2018.173

NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN GIAN NAM BỘ TRONG BỐI CẢNH TỪ TRUYỆN NGẮN SƠN NAM

Trần Văn Thịnh*

Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Trường Đại học Cần Thơ

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Trần Văn Thịnh (email: tvthinh@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 14/04/2018

Ngày nhận bài sửa: 08/06/2018

Ngày duyệt đăng: 27/12/2018

Title:

The study of Nam Bo folklore in Son Nam's short stories

Từ khóa:

Context, folklore, text

Keywords:

Bối cảnh, văn hóa dân gian, văn bản

ABSTRACT

In the study of Nam Bo folklore, identifying the source of material was the first task of the researchers. In the process of applying the "folklore in context" theory to find sources of material, the short stories of the writer, Son Nam, have met very well the required criteria. The findings indicate that many of Son Nam's short stories are a source of abundant forms of folklore activities in Nam Bo, which are vital research objectives of "folklore in context" tendency. The article reveals the characteristics, roles and location of this research objective in the study of folklore in Nam Bo.

TÓM TẮT

Trong nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ, xác định được nguồn cung cấp tư liệu là nhiệm vụ đầu tiên của nhà nghiên cứu. Trong quá trình vận dụng lý thuyết "folklore trong bối cảnh" để tìm kiếm các nguồn cung cấp tư liệu, các truyện ngắn của nhà văn Sơn Nam đã đáp ứng rất tốt các điều kiện. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhiều truyện ngắn của nhà văn Sơn Nam là nguồn cung cấp phong phú các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian ở Nam Bộ, mà các sinh hoạt này là đối tượng nghiên cứu quan trọng của hướng nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh. Bài viết chỉ ra những đặc điểm, vai trò và vị trí của đối tượng nghiên cứu này trong nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ.

Trích dẫn: Trần Văn Thịnh, 2018. Nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ trong bối cảnh từ truyện ngắn Sơn Nam. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 54(9C): 162-168.

1 ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghiên cứu folklore, tức nghiên cứu phong tục, tập quán, nghi thức, ca dao, tục ngữ, truyện cười, huyền thoại, truyện cổ tích,... của các tộc người, cộng đồng hoặc nhóm người, đã đạt được nhiều thành tựu và vẫn đang phát triển không ngừng. Gần đây, nghiên cứu folklore có sự thay đổi về nhận thức, đã dần chuyển dịch từ nghiên cứu "Văn hóa dân gian" nặng về văn bản sang nghiên cứu "Văn hóa dân gian" trong bối cảnh. Sự ra đời của hướng nghiên cứu mới này đã khắc phục những hạn chế của hướng nghiên cứu folklore truyền thống vốn đề cao yếu tố ngữ văn, xem các hiện tượng văn hóa dân gian là các

thực thể tĩnh, không vận động. Hướng nghiên cứu mới này xuất hiện đầu tiên ở Mỹ, đề cao bối cảnh diễn xướng, chú trọng vào sự vận động, tính quá trình của các thực thể văn hóa dân gian (Nguyễn Thị Hiền, 1999). Khi áp dụng hướng nghiên cứu này vào nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ, dễ nhận thấy một trong những vấn đề nổi bật lên là nhận thức mới về vai trò của nguồn tư liệu văn học trong việc khám phá các thực thể văn hóa dân gian đã mai một trong quá khứ. Hướng tiếp cận này khẳng định tác phẩm văn học có một vị trí rất quan trọng trong nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh. Tác phẩm văn học có vị trí như thế là do bản chất, đặc trưng của nó. Thứ nhất, tác phẩm văn học có khả năng phản ánh

đời sống rộng lớn, nhất là các tác phẩm mang màu sắc địa phương và các tác phẩm có khuynh hướng cá tính hóa nhân vật địa phương bằng ngôn ngữ nhân vật, do nó có khả năng chứa đựng trong mình rất nhiều yếu tố văn hóa dân gian mà phần nhiều trong số đó là các sự kiện diễn xướng văn hóa dân gian. Thứ hai, tác phẩm văn học là nguồn cung cấp tư liệu nghiên cứu văn hóa dân gian quan trọng bởi bản chất ngôn từ do nó thu vào mình mọi hiện tượng ngôn ngữ trong đó có ngôn ngữ văn hóa dân gian. Ngoài những lý do trên, tác phẩm văn học còn được xem là nguồn cung cấp các tư liệu nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh đời sống bản thân nhà văn được xem như một kiểu chủ thể lưu giữ, trao truyền và hiện thực hóa văn hóa dân gian đặc biệt. Cũng như nhiều sản phẩm tinh thần của con người, văn hóa dân gian được sáng tạo và trao truyền thông qua nhận thức của cá nhân trong môi trường văn hóa dân gian cụ thể. Nói cách khác, tâm thức nhà văn vừa giao thoa vừa là một phần cụ thể của tâm thức dân gian. Nhà văn Sơn Nam là người con của vùng đất Nam Bộ, trưởng thành và gắn bó với nơi chôn nhau cắt rốn nên tất nhiên phải là một chủ thể lưu giữ, trao truyền và hiện thực hóa văn hóa dân gian Nam Bộ. Có thể ông không phải là một “nghệ nhân dân gian” theo nghĩa chặt chẽ nhưng chắc chắn ông là một nhà Nam Bộ học không thể chối cãi. Tâm thức nhà văn của Sơn Nam vừa là kết quả vừa là phương tiện, mục đích, đồng thời cũng là một bộ phận không thể tách rời khỏi tâm thức dân gian của vùng đất Nam Bộ. Điều này xác định các sáng tác của Sơn Nam có thể được xem như một nguồn cung cấp tư liệu cho nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ trong bối cảnh. Xuất phát từ những lý do đó, vận dụng lý thuyết nghiên cứu văn học dân gian trong bối cảnh vào nghiên cứu các truyện ngắn của Sơn Nam sẽ làm rõ vai trò của nó trong nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ. Việc này cũng bao hàm việc khẳng định thêm những giá trị của truyện ngắn Sơn Nam cũng như đóng góp của nhà văn trong việc phục hồi và bảo tồn các giá trị văn hóa Nam Bộ.

2 NGUỒN CUNG CẤP PHONG PHÚ, ĐA DẠNG CÁC SINH HOẠT VĂN HÓA DÂN GIAN NAM BỘ

Từ lâu nhà nghiên cứu Malinowski đã có những nhận xét cho rằng nghiên cứu văn hóa dân gian cần chú ý đến bối cảnh: *Văn bản có nghĩa là cực kỳ quan trọng, song nếu không có bối cảnh thì nó cũng vô hồn* (Malinowski, 1948). Do đó, nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ trong bối cảnh đặt ra yêu cầu phải tiếp cận được các sinh hoạt trong đó chứa đựng các quá trình/ sự kiện diễn xướng folkore của vùng đất Nam Bộ chứ không chỉ là các văn bản được ghi nhận và biên soạn lại từ một bộ phận của diễn xướng. Trong số các nguồn cung cấp tư liệu cho hướng

nghiên cứu này, ngoài nguồn cung là các sinh hoạt văn hóa dân gian thực tế được nhà nghiên cứu tiếp cận bằng phương pháp quan sát tham gia, tác phẩm văn học là một trong những nguồn cung cấp tư liệu quan trọng cho nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh. Truyện ngắn của nhà văn Sơn Nam, cũng như nhiều nhà văn Nam Bộ khác, có thể được xem như một nguồn cung cấp các tư liệu về sự kiện diễn xướng văn hóa dân gian Nam Bộ. Tuy nhiên, tổng hợp những đặc điểm về nguồn tư liệu văn hóa dân gian trong sáng tác của Sơn Nam, truyện ngắn của ông có những ưu điểm riêng trong việc phục vụ nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ trong bối cảnh.

Một trong những đặc điểm nổi bật ở nguồn cung tư liệu văn hóa dân gian trong truyện ngắn Sơn Nam là tính phong phú, đa dạng của các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian. Trong truyện ngắn của các nhà văn Nam Bộ khác, các sinh hoạt văn hóa dân gian không phải không xuất hiện thường xuyên. Các nhà văn Nam Bộ như Hồ Biểu Chánh, Bình Nguyên Lộc, Trang Thế Hy, Võ Trường Chinh... thường mượn chất liệu từ các sinh hoạt văn hóa dân gian Nam Bộ để xây dựng thể giới nghệ thuật trong sáng tác của mình. Tuy vậy, những chất liệu dân gian trong các sáng tác của các nhà văn này không phong phú, đậm đặc như trong truyện ngắn của Sơn Nam. Dễ dàng tìm thấy rất nhiều sinh hoạt diễn xướng ở vùng đất này như nói tục ngữ, nói thơ, hát ru, hò lè, hò đối đáp, hát vè, hát đố, kể chuyện cười, kể chuyện cổ tích, kể chuyện địa danh, kể chuyện nhân vật huyền thoại... trong các truyện ngắn Sơn Nam.

Bên cạnh việc tái hiện các sinh hoạt văn hóa dân gian một cách phong phú, truyện ngắn Sơn Nam còn cung cấp nhiều hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian đã mai một hoặc không còn tồn tại. Trong tập truyện *Hương rừng Cà Mau* (Sơn Nam, 2003), các sinh hoạt hò sông nước dưới hình thức hò lè hoặc đối đáp ở vùng sông nước phương Nam được tái hiện khá trọn vẹn, chẳng hạn trong truyện ngắn *Con Bầy đưa đò* (Sơn Nam, 2003). Đây là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian ca dao vốn rất phổ biến trên vùng đất này cách nay gần nửa thế kỷ nhưng nay đã mai một, thậm chí biến mất trong nhịp sống hiện đại. Trong các tác phẩm *Cô Út về rừng* (Sơn Nam, 2003), *Đại chiến với thầy Chà* (Sơn Nam, 2003), *Đàng Cánh bướm đen* (Sơn Nam, 2003)... hình thức văn hóa dân gian nói ca dao, tục dao được tái hiện chân thực như nó vốn tồn tại trong đời sống dân gian Nam Bộ. Hình thức này hiện nay cũng rất khó tiếp cận do những người sử dụng đã dần ít đi và sự thay đổi trong văn hóa giao tiếp hiện đại. Sinh hoạt kể các giai thoại, nguồn gốc của ca dao cũng được Sơn Nam đưa vào tác phẩm làm sống lại một hình thức sinh hoạt dân gian độc đáo nhưng hiện đã biến mất.

Một trong những vấn đề nan giải của hướng nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh là tiếp cận một văn bản văn hóa dân gian trong những bối cảnh sử dụng khác nhau nhằm tìm ra những quy luật chung của văn hóa dân gian. Nguồn tư liệu văn hóa dân gian trong một số truyện ngắn của Sơn Nam giải quyết được vấn đề nan giải này. Trong truyện ngắn *Đại chiến thầy Chà* (Sơn Nam, 2003), bài ca dao *Chiều chiều bắt nhái giăng câu/ Nhái kêu ẻo ẹo, cái phận tui nghèo/ Chọc ghẹo tui chi* được tái hiện với những tình huống, bối cảnh sử dụng khác nhau bởi nhân vật Chòi Mui. Trong truyện, bài ca dao được sử dụng đầu tiên trong tình huống trời đổ mưa như trêu ghẹo phận người và được sử dụng lần thứ hai trong tình huống Chòi Mui đã dạy cho thầy Chà một bài học nhớ đời. Trong *Bắt sấu rừng U Minh Hạ* (Sơn Nam, 2003), hình thức diễn xướng bài ca dao nghi lễ *Hồn ơi hồn hỡi...* cũng được nhà văn đặt vào tình huống diễn xướng trước khi bắt sấu và sau khi bắt sấu bởi nhân vật Năm Hên. Một số bài ca dao trong *Có Út về rừng* (Sơn Nam, 2003) cũng được diễn xướng trong những cảnh huống khác nhau trong môi trường giao tiếp.

Nhìn chung, những sinh hoạt văn hóa dân gian trên vùng đất mới Nam Bộ được Sơn Nam đưa vào tác phẩm đã phản ánh đa dạng các sinh hoạt văn hóa dân gian một thời. Phần lớn những sinh hoạt dân gian này ngày nay vẫn còn tồn tại trong đời sống dân gian nhưng cũng có những sinh hoạt không còn tồn tại nguyên vẹn, nhất là diễn xướng ca dao. Do đó, các truyện ngắn của Sơn Nam trở thành tư liệu quý giá cho người nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh.

3 NGUỒN CUNG CẤP PHONG PHÚ CÁC SỰ KIỆN DIỄN XƯỚNG – ĐỐI TƯỢNG CHÍNH CỦA HƯỚNG NGHIÊN CỨU VĂN HÓA DÂN GIAN TRONG BỐI CẢNH

Lý thuyết nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh nhấn mạnh tầm quan trọng của một sự kiện diễn xướng chứa các thành tố kết cấu, văn bản và bối cảnh (Dundes, 1964). Có thể nói, đối tượng nghiên cứu quan trọng nhất của hướng nghiên cứu này là các sự kiện diễn xướng. Chỉ trong hình thức này, các đơn vị văn hóa dân gian mới thực sự tồn tại ở hình thức nguyên vẹn. Dĩ nhiên các sự kiện này chỉ được hiện thực hóa trong những hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian nhất định. Tiếp cận văn hóa dân gian trong bối cảnh, nhà nghiên cứu phải tiếp cận các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian trong cộng đồng để từ đó tách xuất và văn bản hóa các sự kiện diễn xướng. Chất liệu dân gian trong truyện ngắn của Sơn Nam là các sinh hoạt văn hóa dân gian đã đáp ứng được yêu cầu của hướng nghiên cứu văn hóa dân gian mới. Từ các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian được tái tạo trong tác phẩm, các nhà

văn hóa dân gian có thể tách xuất hiệu quả các sự kiện diễn xướng mà trung tâm của sự kiện diễn xướng đó là văn bản văn hóa dân gian được sử dụng. Trong truyện ngắn *Bốn cái ngu* (Sơn Nam, 2003), Sơn Nam đã tái hiện sự kiện diễn xướng bài ca dao: *Trên đời có bốn cái ngu/ Làm mai, lãnh nợ, gác cu, cầm chầu* trong hình thức sinh hoạt diễn xướng tục tào. Trong *Chuyện rừng Tràm*, nhà văn cung cấp sự kiện diễn xướng bài ca dao: *Thấy anh hay chữ em hỏi thử đôi lời/ Thuở tạo thiên lập địa, ông trời do ai sanh?*. Bài ca dao: *Chim bay về núi tôi rồi/ Sao không lo liệu mà ngồi chi đây?* cũng được Sơn Nam đưa vào tình huống diễn xướng giữa một vị ẩn sĩ với một thanh niên trong thời loạn trong truyện ngắn *Đảng “Cánh buồm đen”* (Sơn Nam, 2003). Có thể nói, truyện ngắn Sơn Nam là kho tư liệu về các sinh hoạt văn hóa dân gian mà ở đó chúng ta có thể tách xuất các đơn vị văn hóa dân gian dưới hình thức các sự kiện diễn xướng.

Một vấn đề cũng cần quan tâm là mỗi hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian được cấu thành bởi các sự kiện diễn xướng mà tương ứng với nó là các đơn vị văn hóa dân gian được nhận diện về mặt thể loại. Nói cách khác, mỗi hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian thường đại diện cho một thể loại văn hóa dân gian được diễn xướng. Nhiều sinh hoạt văn hóa dân gian trong truyện ngắn Sơn Nam phản ánh rõ điều này. Trong tác phẩm *Con Bầy đưa đò* (Sơn Nam, 2003), hình thức sinh hoạt hò sông nước được cấu thành bởi các sự kiện diễn xướng khác nhau với các văn bản văn hóa dân gian khác nhau và được xác định về mặt thể loại là ca dao – dân ca. Tác phẩm *Bắt sấu rừng U Minh Hạ* (Sơn Nam, 2003) cũng thể hiện được sự diễn xướng ca dao nghi lễ trong hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian nghi lễ với hai sự kiện diễn xướng trong hai tình huống khác nhau.

Cũng có trường hợp nhiều đơn vị văn hóa dân gian thuộc các thể loại văn hóa dân gian khác nhau cùng xuất hiện trong một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian. Nhưng nếu điều này xảy ra thì hình thức sinh hoạt đó vẫn có một thể loại văn hóa dân gian tương ứng chiếm vị trí trung tâm. Các đơn vị văn hóa dân gian của thể loại đó sẽ kiến tạo nên các sự kiện diễn xướng tương ứng đóng vai trò trung tâm còn các thể loại khác chỉ mang tính phụ trợ. Dù vậy, các thể loại văn hóa dân gian phụ trợ vẫn có hình thức vẹn toàn như một sự kiện diễn xướng mang tính đa chức năng và rất có ý nghĩa với nhà nghiên cứu. Điều này thể hiện ở nhiều sinh hoạt văn hóa dân gian trong truyện ngắn của Sơn Nam. Trong truyện *Miêu Bà Chúa Xứ* (Sơn Nam, 2003), Sơn Nam đã tái hiện hình thức sinh hoạt kể chuyện ma mà người kể là nhân vật Tư Đạt. Ở đây, sự kiện diễn xướng đóng vai trò trung tâm của sinh hoạt kể chuyện ma là một câu chuyện lịch sử có tính chất huyền ảo về cái chết

đầy oan khuất của dân làng trước tội ác dã man của kẻ xâm lược. Tuy nhiên, bên cạnh sự kiện diễn xướng kể chuyện, hình thức sinh hoạt này còn xuất hiện một sự kiện diễn xướng ca dao mang tính chất phụ trợ, khơi mào. Đó là sự kiện diễn xướng bài ca dao: *Một mai thiếp có xa chàng/ Đôi bông thiếp trả, đôi vàng thiếp xin*. Ở phương diện nghiên cứu, cả hai sự kiện diễn xướng này có thể vừa được xem là độc lập về mặt cấu trúc nhưng đồng thời cũng có thể được xem là những thành tố có mối quan hệ trong một hệ thống lớn hơn. Nói cách khác, nhà nghiên cứu có thể tách xuất được hai sự kiện diễn xướng là diễn xướng ca dao và diễn xướng chuyện ma hoặc chỉ xem hai sự kiện diễn xướng này chỉ là một sự kiện mà ở đó diễn xướng ca dao là thành tố tình huống kích thích, dẫn dắt cho diễn xướng chuyện ma. Nhận thức được các hình thức tồn tại này của các sự kiện diễn xướng trong một hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian sẽ rất có ý nghĩa đối với nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh.

4 CÁC SỰ KIỆN DIỄN XƯỚNG VÀ SỰ TÁI TẠO CÁC MÔ HÌNH THỂ LOẠI VĂN HÓA DÂN GIAN NAM BỘ QUÁ KHỨ, HIỆN TỒN

Nghiên cứu văn hóa dân gian luôn gắn liền với yêu cầu miêu tả và diễn giải các đơn vị văn hóa dân gian theo thể loại. Một trong những phương pháp phổ biến của các nhà văn hóa dân gian là mô hình hóa các đơn vị văn hóa dân gian để từ đó đưa ra một mô hình chung cho các thể loại. Tùy theo quan niệm về văn hóa dân gian mà tính chất nghiên cứu có thể khác nhau giữa các hướng tiếp cận.

Hướng nghiên cứu văn hóa dân gian truyền thống lấy văn bản văn hóa dân gian làm đối tượng nghiên cứu chính sẽ có nhiều thuận lợi trong việc thiết lập các mô hình thể loại phi bối cảnh. Do đồng nhất văn bản văn hóa dân gian với văn hóa dân gian tồn tại trong thực tế nên mô hình được thiết lập theo hướng tiếp cận này thực chất là mô hình phân tích văn bản như một hệ thống. Hệ thống này gồm 2 thành tố chính là nội dung và hình thức; trong từng thành tố nội dung và hình thức lại có các thành tố nhỏ hơn; các thành tố ở các cấp độ khác nhau luôn tồn tại những mối quan hệ đặc thù. Mô hình hệ thống này sẽ rất dễ thiết lập và thuận lợi cho việc miêu tả và diễn giải văn hóa dân gian. Bảng 1 dưới đây cho thấy một số thành tố của mô hình thể loại một đơn vị ca dao:

Bảng 1: Bảng liệt kê một số thành tố trong mô hình cấu trúc một đơn vị ca dao phi bối cảnh

Thành tố nghệ thuật				Thành tố nội dung			
Thể thơ	Ngôn ngữ	Kết cấu	Thủ pháp trong xây dựng hình tượng	Không gian – thời gian nghệ thuật	Đề tài	Chủ đề	Tư tưởng

Mô hình phi bối cảnh thuận lợi cho việc tiếp cận văn bản theo hướng thi pháp học. Việc xác định đầy đủ các yếu tố cấu thành văn bản như thể thơ, ngôn ngữ, kết cấu, thủ pháp... sẽ giúp ích cho mục đích miêu tả bài ca dao. Mục đích nghiên cứu này đạt được kết quả đến mức độ nào chủ yếu phụ thuộc vào khả năng nhận dạng, khám phá, phát hiện các thành tố có thể có của văn bản. Hướng tiếp cận thi pháp học có thể giúp hướng đến mục đích diễn giải, lý giải ca dao thông qua việc nhận dạng mối quan hệ giữa các thành tố cũng như vai trò vị trí của từng thành tố, nhóm thành tố trong hệ thống văn bản. Trong mô hình ca dao trên, nhà nghiên cứu cần chỉ ra mối quan hệ giữa các thành tố nghệ thuật và nội dung, mối quan hệ giữa các thành tố nội dung hoặc nghệ thuật với nhau, vai trò vị trí của từng thành tố trong ma trận các mối quan hệ. Kết quả phân tích đó chính là việc diễn giải văn bản ca dao theo hướng xem văn bản văn hóa dân gian là trung tâm trong nghiên cứu văn hóa dân gian.

Không như hướng tiếp cận truyền thống, nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn hơn trong việc mô hình hóa các thể loại. Hướng nghiên cứu này quan niệm văn hóa dân gian không chỉ là văn bản mà là một quá trình hiện thực,

nghệ thuật và giao tiếp. Điều này cũng đồng nghĩa với việc thiết lập một mô hình thể loại mà ở đó văn bản chỉ là một thành tố bên cạnh các thành tố khác trong mô hình. Kiểu mô hình này không thể được thiết lập nếu chỉ có tư liệu văn bản văn hóa dân gian. Các nhà nghiên cứu phải trực tiếp tiếp cận các sự kiện diễn xướng bằng phương pháp quan sát tham gia nhưng điều này là bất khả thi với các trường hợp văn hóa dân gian trong quá khứ (đã mai một hoặc không còn tồn tại). Các sự kiện diễn xướng được Sơn Nam tái tạo trong các truyện ngắn đáp ứng được vấn đề nan giải này và có thể được sử dụng để “phục hồi” các mô hình quá khứ và “gợi ý” các mô hình hiện tồn. Chất liệu dân gian trong truyện ngắn *Con Bầy đưa đò* (Sơn Nam, 2003) có thể giúp tái tạo mô hình về các đơn vị văn hóa dân gian thuộc thể loại ca dao trong bối cảnh sử dụng cụ thể là hò lẻ hoặc hò đôi đáp trên sông nước. Sự tồn tại thực tế của ca dao dưới hình thức sinh hoạt hò Nam Bộ như trên hiện đã không còn tồn tại trong thực tế. Tách xuất tư liệu dân gian từ truyện ngắn *Con Bầy đưa đò* (Sơn Nam, 2003) có thể giúp tái tạo mô hình một số đơn vị ca dao điển hình tương ứng với bảng liệt kê một số thành tố như sau:

Bảng 2: Bảng liệt kê một số thành tố trong mô hình một đơn vị ca dao trong bối cảnh

Văn bản (Gồm các thành tố như Bảng 1)	Tình huống diễn xướng (Bao gồm tình huống kích thích ban đầu và các loại tình huống mang tính kết nối)	Người diễn xướng (Bao gồm các yếu tố tính cách, nhận thức, tâm lý, cái nhìn bên trong...)	Phương thức diễn xướng (Bao gồm cách hình thức diễn xướng như hát, ngâm, hò, ru, nói, động tác tùy theo hình thức sinh hoạt)	Người tham dự (Bao gồm các yếu tố tính cách, nhận thức, tâm lý, cái nhìn bên ngoài...)	Không gian, thời gian diễn xướng (Bao gồm không – thời gian của bối cảnh lịch sử và bối cảnh tức thời)	Các thành tố khác (Bao gồm các thành tố như kết cấu diễn xướng, nhạc cụ, khóa diễn xướng...)
--	---	--	---	---	---	---

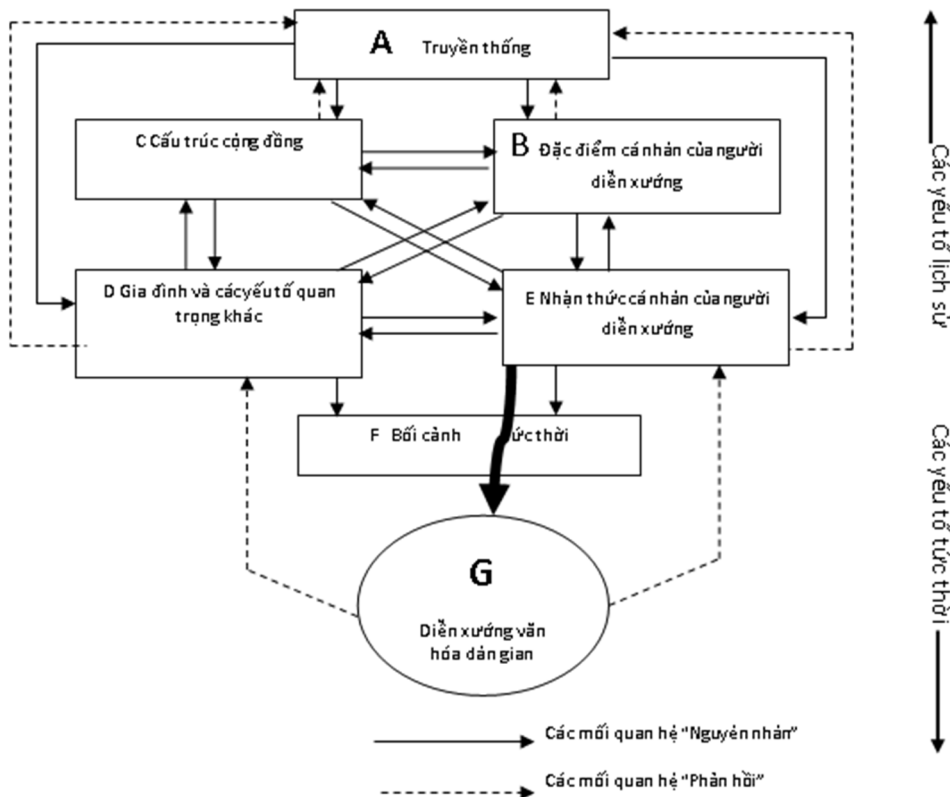
Hướng nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh đã xác định thêm sự hiện diện các thành tố mới từ bối cảnh vào mô hình thể loại ca dao. Theo mô hình này, đơn vị ca dao không còn là sản phẩm tĩnh, đã hoàn tất mà đã có những yếu tố động từ bối cảnh có thể làm thay đổi ý nghĩa trong tiếp nhận. Việc diễn giải bài ca dao cụ thể nếu không tính đến những thuộc tính đó của một số thành tố như người diễn xướng, người tham dự, phương thức diễn xướng, kết cấu diễn xướng... thì việc diễn giải có thể trở nên phiến diện.

Như vậy, việc phục hồi các mô hình thể loại văn hóa dân gian trong bối cảnh có ý nghĩa rất quan trọng đối với công tác nghiên cứu và bảo tồn các thể loại văn hóa dân gian đã mai một hoặc không còn tồn tại. Ở phương diện này, một số truyện ngắn của Sơn Nam đã đảm nhận tốt vai trò cung cấp chất liệu cho việc tái tạo các mô hình thể loại văn hóa dân

gian Nam Bộ.

5 TƯỜNG MINH CÁC THÀNH TỐ VÀ QUAN HỆ ĐẶC BIỆT TRONG CẤU TRÚC THỂ LOẠI VĂN HÓA DÂN GIAN NAM BỘ

Các phân tích ở trên đã chỉ ra các mô hình thể loại văn hóa dân gian trong bối cảnh có thể được thiết lập nhờ vào việc phân tích và tách xuất ngữ liệu văn hóa dân gian từ truyện ngắn Sơn Nam. Nhưng việc thiết lập các mô hình chưa phải là mục đích cuối cùng của nghiên cứu văn hóa dân gian trong bối cảnh. Điều quan trọng của hướng nghiên cứu này là chứng minh được sự tồn tại của các thành tố mới cũng như các mối quan hệ giữa chúng và nghiên cứu bản chất, đặc điểm của chúng. Trong cố gắng miêu tả một đơn vị văn hóa dân gian trong bối cảnh, nhà nghiên cứu Joyner (1975) đưa ra mô hình phân tích diễn xướng với sự hiện diện của bối cảnh lịch sử như sau:



Mô hình phân tích diễn xướng một đơn vị folkore của Joyner (1975) không phải là mô hình duy nhất chỉ ra các thành tố của bối cảnh cũng như các “kiểu” quan hệ của chúng. Dù vậy, đây là một trong những mô hình đã diễn hình hóa được cấu trúc của một đơn vị văn hóa dân gian với sự phức tạp của nhiều mối quan hệ không dễ tiếp cận trong thực tế điền dã, nhất là mối quan hệ giữa sự kiện diễn xướng với các thành tố lịch sử. Mô hình cũng chỉ ra mối quan hệ giữa sự kiện diễn xướng và bối cảnh tức thời, mối quan hệ giữa bối cảnh tức thời và nhận thức của người diễn xướng, mối quan hệ giữa tính cách người diễn xướng và tâm lý tức thời của chính anh ta, mối quan hệ giữa đặc điểm cộng đồng và văn bản văn hóa dân gian... Đây là những quan hệ tồn tại thực của một đơn vị văn hóa dân gian trong bối cảnh mà việc nhận thức được các mối quan hệ này có ý nghĩa rất lớn đối với việc cất nhắc, diễn giải văn hóa dân gian, nhất là việc xác định phương thức trao truyền, phương thức hiện thực hóa và tính truyền thống “động” của chúng. Những mối quan hệ này, nhất là những quan hệ chiều sâu mang tính lịch sử và tâm lý, trải nghiệm cá nhân của người diễn xướng - tham dự là rất khó tri nhận đối với nhà nghiên cứu ngay cả khi trực tiếp quan sát sự kiện diễn xướng. Việc phát hiện các mối quan hệ này càng khó hơn nếu như nhà nghiên cứu chỉ có tư liệu là các văn bản văn hóa dân gian. Tuy nhiên, những khó khăn đó được giải quyết phần nào thông qua các tư liệu văn hóa dân gian “không chủ ý” trong truyện ngắn của Sơn Nam.

Phân tích sự kiện diễn xướng bài ca dao nghi lễ trong *Bát sáu rừng U Minh Hạ* (Sơn Nam, 2003), có thể dễ dàng nhận ra mối quan hệ giữa văn bản này với thành tố bối cảnh lịch sử Nam Bộ mà nó xuất hiện. Bối cảnh lịch sử đó có thể được diễn đạt như sau: “Xã hội Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ 20 ở vùng đất phương Nam. Vùng đất U Minh Hạ đang dần hình thành với những lưu dân cố gắng khai phá vùng đất để sinh cơ lập nghiệp. Họ phải đối diện với nhiều tai họa mà thiên tai là một trong những tai họa chủ yếu. Nhiều lớp cha ông đã bỏ mình vì rừng thiêng nước độc, hùm tha sáu bắt trong hành trình miêng cơm manh áo. Nỗi lo sợ vì những hiểm nguy luôn gắn liền với cuộc đấu tranh với thiên nhiên giành lấy cuộc sống và tinh thần tri ân những người ngã xuống. Tinh thần chung là sự kết nối các lớp người (sống/ chết) vì những giá trị của cuộc sống mà họ là chủ nhân. Việc giải oan cho người chết oan là phong tục, tập quán, tín ngưỡng của con người nơi đây” (Trần Văn Thịnh, 2016). Việc bổ sung thành tố này vào hệ thống các thành tố bối cảnh và làm rõ mối quan hệ của nó đối với sự kiện diễn xướng ca dao và bản thân văn bản ca dao sẽ giúp cho

việc miêu tả và diễn giải bài ca dao nghi lễ đầy đủ và toàn diện hơn.

Cũng ở bài ca dao này, nếu như phương pháp quan sát tham gia khó tiếp cận tính cách lịch sử của người diễn xướng (mô tả nhân học) thì tác phẩm đã tường minh các đặc điểm nhân học, mối quan hệ giữa tính cách này với sự diễn xướng bài ca dao nghi lễ. Truyện ngắn *Bát sáu rừng U Minh Hạ* (Sơn Nam, 2003) đã khắc họa tính cách nhân vật Năm Hên theo chiều sâu lịch sử gia đình và trải nghiệm cá nhân để từ đó chỉ ra mối quan hệ giữa chúng và sự kiện diễn xướng bài ca dao nghi lễ. Một ví dụ khác, trong truyện ngắn *Đại chiến thầy Chà* (Sơn Nam, 2003), mối quan hệ giữa bối cảnh lịch sử, bối cảnh tức thời, tính cách, tâm lý của người diễn xướng và người tham dự với văn bản ca dao *Chiều chiều bắt nhái giăng câu/ Nhái kêu eo eo, cái phận tui nghèo/ Chọc ghẹo tui chi* cũng được tường minh. Nhờ các mối quan hệ đó trong một bối cảnh cụ thể mà bài ca dao trên đã thể hiện được tính cách ngạo nghễ, kiêu hãnh về nhân cách con người Nam Bộ trong khó khăn, nghèo khổ. Một trong những quy luật khó nhận biết của diễn xướng folkore là quá trình nội tâm hóa các yếu tố bối cảnh vào nhận thức, tâm lý của người diễn xướng và cho ra kết quả là văn bản văn hóa dân gian được diễn cũng được tường minh trong nhiều tác phẩm. Chất liệu văn hóa dân gian trong các truyện ngắn *Con Bầy đưa đò* (Sơn Nam, 2003), *Bốn cái ngu* (Sơn Nam, 2003), *Miếu bà chúa Xứ* (Sơn Nam, 2003), *Tình bậu muốn thôi* (Sơn Nam, 2003)... là những minh chứng rõ ràng về quy luật nội tâm hóa trong cấu trúc thực tế của các đơn vị folkore được diễn xướng. Chẳng hạn, trong *Con Bầy đưa đò* (Sơn Nam, 2003), cảnh sông nước miền Tây đã được nội tâm hóa vào tâm thức của nhân vật con Bầy trong quá trình diễn xướng ca dao với người con trai thời loạn. Trong *Cô Út về rừng* (Sơn Nam, 2003), cảnh trí chiều hôm hiu quạnh cũng đi vào tâm trí nhân vật ông bà Cả và ứng với bài ca dao hát ru u buồn.

Có thể nói, nhiều truyện ngắn của Sơn Nam, một cách “vô tình” đã thực hiện chức năng tường giải nhiều mối quan hệ bề sâu, phức tạp của các đơn vị văn hóa dân gian trong bối cảnh cụ thể. Hoạt động sáng tạo nghệ thuật có định hướng đã giúp nhà văn tái tạo và nhấn mạnh một số thành tố của sự kiện diễn xướng cũng như chỉ ra được trọng tâm mối quan hệ của nó. Nhờ đặc điểm này, các yếu tố khó nắm bắt của văn hóa dân gian Nam Bộ như mối quan hệ giữa bối cảnh lịch sử văn hóa xã hội và sự kiện diễn xướng, mối quan hệ tâm lý bề sâu của những người tham dự, mối liên hệ nhân quả trước, trong và sau sự kiện diễn xướng có thể được nhà văn hóa dân gian tiếp cận dễ dàng qua tác phẩm văn học. Vì lẽ đó, truyện ngắn Sơn Nam cần được xem là một nguồn cung cấp tư liệu văn hóa dân gian “sẵn có”

mang tính chất “gợi ý” trong việc nghiên cứu cấu trúc bề sâu các mối quan hệ khó nắm bắt theo hướng nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ trong bối cảnh.

6 KẾT LUẬN

Nhà văn Sơn Nam được xem như một kiểu chủ thể lưu giữ, trao truyền và hiện thực hóa văn hóa dân gian Nam Bộ bằng con đường sáng tác văn học. Phương thức lưu giữ và tái tạo này tạo ra loại tư liệu văn hóa dân gian Nam Bộ không thuần nhất nên cần được tiếp cận đặc biệt. Xuất phát từ bản chất nghệ thuật của tác phẩm văn học, tư liệu tách xuất từ nguồn cung này có nhiều ưu thế về phương diện số lượng các sự kiện diễn xướng được tập hợp; sự đa dạng của các hiện tượng văn hóa dân gian; số thành tố được tái tạo, miêu tả trong mỗi tình huống; sự phong phú của các tình huống sử dụng; sự đa dạng của các yếu tố ngoài sự kiện diễn xướng... Tuy nhiên, cũng do bản chất nghệ thuật của tác phẩm văn học mà tư liệu được tạo ra từ đây cũng có những hạn chế nhất định. Hạn chế thứ nhất bắt nguồn bản chất sáng tạo của tác phẩm văn học. Sự sáng tạo của nhà văn khi tái tạo và điều chỉnh các chất liệu của cuộc sống trong quá trình xây dựng tác phẩm sẽ dẫn đến các sự kiện diễn xướng bị biến đổi theo ý đồ sáng tác của nhà văn. Quá trình này làm cho các thành tố của sự kiện diễn xướng không xuất hiện nguyên dạng như thực tế mà bị biến dạng theo định hướng nghệ thuật của tác phẩm. Hạn chế thứ hai của tư liệu từ văn học cũng xuất phát từ một đặc trưng của tác phẩm văn học là chất liệu ngôn từ. Không giống như các nguồn cung khác, tác phẩm văn học chỉ tái hiện đời sống bằng ngôn từ nên sự kiện diễn xướng trong tác phẩm cũng tồn tại dưới hình thức ngôn từ. Nói cách khác, tư liệu văn hóa dân gian từ văn học là tư liệu được văn bản hóa từ quá trình văn bản hóa của nhà văn. Nhà văn đã văn bản hóa sự kiện diễn xướng theo nhận thức cá nhân của mình và nhà nghiên cứu văn hóa dân gian lại tiếp tục văn bản hóa nó lần thứ

hai trong quá trình tách xuất tư liệu. Như vậy, tư liệu của nhà nghiên cứu văn hóa dân gian trong trường hợp này bị biến đổi rất nhiều so với thực tế văn hóa dân gian tồn tại.

Với các đặc điểm trên của tác phẩm văn học, nhà nghiên cứu văn hóa dân gian cần xác định đúng vai trò, vị trí của tư liệu tách xuất từ truyện ngắn của Sơn Nam (cũng như nhiều nhà văn khác) trong nghiên cứu. Cần phải nhận thức, nguồn tư liệu dồi dào từ truyện ngắn của Sơn Nam có thể giúp việc nghiên cứu văn hóa dân gian Nam Bộ đỡ tốn kém thời gian và công sức, cũng như giúp dự đoán trước các mô hình diễn xướng có thể có trong thực tế và lý giải nó một cách giới hạn trong một số bối cảnh được tái tạo nhưng nó cũng chứa nhiều hạn chế khi dễ bị “nhiều” và không phải là tư liệu lý tưởng. Việc sử dụng các phương pháp thu thập tư liệu khác, nhất là phương pháp quan sát tham gia để bổ khuyết cho loại tư liệu này, là một yêu cầu cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dundes A., 1964. Texture, Text, and Context. Southern Folklore Quarterly. 28: 251-265.
- Joyner, C.W., 1975. A model for the analysis of folklore performance in historical context. The Journal of American Folklore, 88(349): 254-265
- Nguyễn Thị Hiền, 1999. Quan niệm mới về folklore và quá trình văn bản hóa folklore ở Hoa Kỳ. Tạp chí Văn hóa dân gian. 4: 79-98.
- Malinowski, B., 1948. Magic, Science and Religion and Other Essays. Truy cập ngày 14/4/2018. Địa chỉ: https://monoskop.org/images/4/41/Malinowski_Bro_nislaw_Magic_Science_and_Religion_and_Other_Essays_1948.pdf
- Sơn Nam, 2003. Hương rừng Cà Mau. Nhà xuất bản trẻ Trẻ, Hồ Chí Minh, 915 trang.
- Trần Văn Thịnh, 2016. Tiếp cận bài ca dao nghi lễ trong Bất sầu rừng U Minh Hạ của nhà văn Sơn Nam. Ngôn ngữ và đời sống. 8: 90-95.